

Bản án số: **171 /2022/KDTM - PT.**

Ngày : 22/9/2022

*V/v: Tranh chấp Hợp đồng cung cấp,
lắp đặt cửa nhôm, kính*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Hoàng Minh Thành**

Các Thẩm phán : **Bà Ngô Tuyết Băng**

Bà Lê Thúy Linh

Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội ghi biên bản phiên tòa : Bà Dương Thị Huệ

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội: Bà Phan Thị Tình – Kiểm sát viên

Trong các ngày 18/8/2022, 15/9/2022 và 22/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 91/2022/TLPT - KDTM ngày 01 tháng 07 năm 2022 về tranh chấp: Hợp đồng cung cấp, lắp đặt cửa nhôm, kính

Do Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2022/ KDTM – ST ngày 24 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận HĐ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số **315/2022/QĐ-PT** ngày 09 tháng 8 năm 2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 436/2022/QĐ-PT ngày 18/8/2022 và Thông báo mở lại phiên tòa ngày 07/9/2022 giữa các đương sự :

- **Nguyên đơn:** Công ty TNHH sản xuất thương mại ĐT
Trụ sở: Tổ dân phố MN, phường TM, quận NTL, Hà Nội
Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn C – Giám đốc
Đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Thị N – Phó Giám đốc Công ty

- **Bị đơn:** Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng PMT
Trụ sở: BT03, Vị trí 23 Khu nhà ở XL, phường PL , Q.HĐ , Hà Nội
Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Xuân T – Giám đốc

Văn phòng: Ngõ 205 đường PH, phường PL , quận HĐ , Hà Nội.

Người làm chứng:

1. Ông ĐTP – Phó giám đốc Công ty CP Đầu tư xây dựng PMT

Địa chỉ: Phòng 2016, CT4B Khu đô thị XL, phường PL , quận HĐ , Hà Nội

2. Bà Nguyễn Thị Th

Địa chỉ: Số 29 Liên Kề 25 đường NTN , phường La Khê, quận HĐ , Hà Nội

Tại phiên tòa có mặt: Bà Hoàng Thị N , ông Phạm Xuân T. (Ông Đoàn Tuấn Ph, bà Nguyễn Thị Th có mặt tại phiên tòa ngày 18/8/2022)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là Công ty TNHH sản xuất thương mại ĐT do bà Hoàng Thị N đại diện trình bày:

Ngày 09/12/2013, Công ty TNHH sản xuất thương mại ĐT (Bên B) ký hợp đồng kinh tế số 0912/2013/HĐKT với Công ty cổ phần đầu tư xây dựng PMT (Bên A), về việc “Cung cấp lắp đặt cửa nhôm kính”, với nội dung: Công ty TNHH sản xuất thương mại ĐT (Công ty ĐT) thi công Cung cấp lắp đặt cửa nhôm kính cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng PMT (Công ty PMT), tại công trình trụ sở chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Sao Đỏ; Địa chỉ: thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Thời gian thực hiện 120 ngày kể từ ngày 08/12/2013; Giá trị hợp đồng tạm tính là 1.500.000.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT 10%); Phương thức thanh toán: Công ty PMT tạm ứng cho Công ty ĐT 40% giá trị hợp đồng; Sau khi được nghiệm thu, Bên A chuyển cho Bên B 95% nghiệm thu quyết toán, còn 5% Bên A thanh toán cho Bên B trong vòng 10 ngày kể từ ngày Bên B trình Bên A thư bảo lãnh, bảo hành giá trị 5% giá trị quyết toán, do ngân hàng phát hành trong vòng 12 tháng kể từ ngày 02 bên ký biên bản bàn giao nghiệm thu; Nếu Bên A thanh toán chậm so với các điều khoản của hợp đồng thì Bên B được tính lãi trên số tiền bên A nợ theo lãi suất ngân hàng nhà nước, kể từ ngày ký nghiệm thu công trình.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty ĐT đã thi công lắp đặt đúng tiến độ, đúng thiết kế, đảm bảo chất lượng đúng hợp đồng. Ngày 05/7/2014 đã ký biên bản nghiệm thu bàn giao và sản phẩm của Công ty ĐT , công trình được chi nhánh ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Sao Đỏ đưa vào sử dụng từ lâu.

Ngày 08/7/2014, Công ty ĐT và Công ty PMT đã ký bảng giá trị quyết toán, biên bản thanh lý hợp đồng, xác nhận tổng giá trị hợp đồng là 1.478.596.468 đồng, đã thành toán là 350.000.000 đồng, Bên A còn phải thanh toán cho Bên B là 1.128.596.468 đồng. Sau đó Công ty PMT đã thanh toán (chuyển khoản), trả Công ty ĐT , gồm những lần cụ thể sau:

- Ngày 02/10/2015 là 200.000.000 đồng.

- Cùng ngày 26/4/2016 Công ty PMT đã 02 lần chuyển khoản trả Công ty ĐT , mỗi lần 400.000.000 đồng. Sau khi chuyển khoản lần hai xong, bên Công ty PMT phát hiện chuyển khoản nhầm và trình bày là mới nhận được một khoản tiền, nhưng đang rất khó khăn, nợ nhiều nơi, nên đề nghị Công ty

ĐT trả lại số tiền đã chuyển lần 2 ngày 26/4/2016 cho Công ty PMT, số tiền Công ty PMT còn nợ Công ty ĐT, Công ty PMT sẽ cố gắng thanh toán nốt trong thời gian sớm nhất. Do quan hệ làm ăn với nhau, nên ngay ngày 26/4/2016 Công ty ĐT đồng ý và đã trả lại Công ty PMT số tiền 388.000.000 đồng.

- Ngày 21/01/2021 Công ty PMT đã chuyển khoản trả tiếp cho Công ty ĐT 100.000.000 đồng.

Như vậy, Công ty PMT đã thanh toán trả Công ty ĐT, Tổng cộng là 1.062.000.000 đồng.

Ngày 21/4/2016 Công ty ĐT đã xuất hóa đơn tài chính số 0000162, KH: DT/11P cho Công ty PMT, với tổng giá trị thanh toán là 1.478.596.468 đồng.

Mặc dù Công ty ĐT đã nhiều lần trực tiếp gặp gỡ lãnh đạo yêu cầu Công ty PMT thanh toán dứt điểm công nợ, nhưng Công ty PMT đùn đẩy trách nhiệm, chây ỳ không thanh toán.

Nay, Công ty ĐT yêu cầu Tòa án nhân dân quận HĐ, buộc:

- Công ty PMT phải thanh toán trả số tiền nợ gốc là 416.596.468 đồng, theo hợp đồng kinh tế số 0912/2013/HĐKT ngày 09/12/2013.

- Công ty PMT phải trả tiền lãi chậm trả trên số nợ gốc, theo mức lãi suất 8%/năm, tính từ ngày ký biên bản thanh lý hợp đồng là 379.886.800 đồng.

- Công ty PMT phải thanh toán khoản tiền phạt vi phạm hợp đồng, tương ứng với 8% giá trị hợp đồng là 118.287.717 đồng.

Bị đơn là Công ty CP đầu tư xây dựng PMT do ông Phạm Xuân T đại diện theo pháp luật.

Tại Tòa án sơ thẩm, ông Phạm Xuân T không có mặt

Ông Đoàn Xuân Phúc, phó giám đốc Công ty PMT đến Tòa án và trình bày: Ngày 09/12/2013, Công ty TNHH sản xuất thương mại ĐT (Bên B) ký hợp đồng kinh tế số 0912/2013/HĐKT với Công ty cổ phần đầu tư xây dựng PMT (Bên A), về việc “Cung cấp lắp đặt cửa nhôm kính”, với nội dung: Công ty TNHH sản xuất thương mại ĐT (Công ty ĐT) thi công Cung cấp lắp đặt cửa nhôm kính cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng PMT (Công ty PMT), tại công trình Trụ sở chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Sao Đỏ; Địa chỉ: thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Trước khi ký hợp đồng trên thì Công ty PMT đã có hợp đồng giao khoán giữa Công ty PMT với ông Nguyễn Hữu San, đội trưởng đội xây lắp số 9, là người thực hiện hợp đồng và chịu trách nhiệm hạch toán lỗ lãi và tìm các nhà thầu phụ thi công từng phần việc, cụ thể là Công ty ĐT. Vì đội trưởng không có tư cách pháp nhân và phải lấy dấu của Công ty PMT để xuất hóa đơn, hạch toán chi phí. Quá trình thực hiện hợp đồng, hàng tháng đội trưởng xác nhận, ký kết khối lượng với các nhà thầu, sau đó đội trưởng đề nghị Công ty PMT chuyển tiền theo khối lượng giao khoán.

Nay, Công ty PMT đề nghị xem xét tính hợp pháp của hợp đồng trên, vì hợp đồng không có dấu giáp lai của Công ty PMT.

Hợp đồng kinh tế số 0912/2013/HĐKT ngày 09/12/2013 chỉ có bên nhận thầu và bên giao thầu chứ không có người thực hiện hợp đồng là ông Nguyễn Hữu San.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2022/KDTM-ST ngày 24/3/2022 của Tòa án nhân dân quận HĐ đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH sản xuất thương mại ĐT đối với Công ty cổ phần đầu tư xây dựng PMT .

2. Buộc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng PMT phải thanh toán trả Công ty TNHH sản xuất thương mại ĐT , tổng số tiền **914.770.985 đồng** (trong đó nợ gốc là 416.596.468 đồng, nợ lãi là 379.886.800 đồng, phạt do vi phạm hợp đồng là 118.287.717 đồng) theo hợp đồng kinh tế số 0912/2013/HĐKT ngày 09/12/2013, ký giữa Công ty TNHH sản xuất thương mại ĐT với Công ty cổ phần đầu tư xây dựng PMT .

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 12/4/2022 bị đơn là Công ty PMT nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và có lời khai trình bày: Về việc ký hợp đồng số 0912, ông là người đại diện theo pháp luật của Công ty PMT và có ủy quyền cho ông ĐTP là Phó Giám đốc Công ty ký hợp đồng với Công ty ĐT . Việc ủy quyền này thể hiện bằng Giấy ủy quyền ngày 08/8/2011 (nộp tại cấp phúc thẩm). Về việc thanh toán hợp đồng, ông xác định đã chuyển khoản cho Công ty ĐT với tổng số tiền là 1.450.000.000 đồng vào các ngày 27/1/2014: 350.000.000 đồng, ngày 02/10/2015 là 200.000.000 đồng, ngày 26/4/2016 là 800.000.000 đồng. Ngày 21/01/2021 là 100.000.000 đồng. Số tiền còn lại theo giá trị hợp đồng là hơn 28 triệu đồng ông sẽ kiểm tra, đối chiếu với khối lượng theo xác nhận của ông Nguyễn Hữu San.

Bà Nguyễn Thị Th tại thời điểm các bên ký hợp đồng và thanh toán hợp đồng thì bà Th là kế toán của Công ty PMT . Việc bà Th có nhận số tiền 388 triệu đồng từ Công ty ĐT hay không ông không biết, bà Th không báo cáo và không hạch toán về Công ty. Việc bà N công ty ĐT nếu có chuyển tiền cho bà Th thì cũng không đúng nguyên tắc vì theo quy định của Luật kế toán thì số tiền hơn 20 triệu thì phải chuyển khoản. Ông cho rằng hợp đồng là không đúng mẫu của Công ty PMT và ông cũng không tìm thấy Giấy ủy quyền cho ông Phú ký hợp đồng như hợp đồng đã viện dẫn.

Biên bản nghiệm thu ngày 05/7/2014 do ông Nguyễn Đức Mỹ ký đại diện cho Công ty PMT là không đúng thẩm quyền vì ông Mỹ chỉ là nhân viên của đội ông San nên không có quyền ký nghiệm thu. Bảng quyết toán cũng không phải do hai bên nghiệm thu thực tế mà được phô tô từ hồ sơ đấu thầu.

Về tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm: Công ty PMT không hề có đơn nào về việc xin hoãn phiên tòa nhưng tại Quyết định hoãn phiên tòa ngày 02/3/2022

của Tòa án sơ thẩm lại thể hiện nội dung: bị đơn xin hoãn phiên tòa là không đúng. Mặt khác, tại Tòa án, ông đã có đơn đề nghị thay đổi Thẩm phán nhưng Tòa án HĐ không giải quyết là không đúng.

Vì vậy, Công ty PMT đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn là Công ty ĐT do bà Hoàng Thị N đại diện trình bày: Phía bị đơn luôn cho rằng hợp đồng kinh tế giữa hai bên ký kết là không đúng mẫu của Công ty PMT, ông P là phó Giám đốc Công ty ký các văn bản sau đó vượt quá thẩm quyền tại giấy ủy quyền nên không hợp lệ. Tuy nhiên, ý kiến này của bị đơn thì Công ty ĐT không đồng ý vì Công ty ĐT cũng không biết và không quan tâm mẫu của hợp đồng Công ty PMT như thế nào mà chỉ biết là các bên đã ký, đóng dấu hợp đồng này. Về giấy ủy quyền thì Công ty PMT cũng không đưa ra được Giấy ủy quyền cụ thể cho ông P là như nào mà chỉ có lời khai như vậy. Bị đơn cho rằng các biên bản thanh lý, nghiệm thu phải có chữ ký của ông Nguyễn Hữu San vì ông San đã được ông T phân công nhưng đó là việc quản lý nội bộ của Công ty PMT. Các biên bản nghiệm thu, biên bản thanh lý đã được chính ông Đoàn Xuân Phúc ký xác nhận và tại phiên tòa ông P cũng xác nhận các chữ ký của ông nên phải được coi là hợp lệ. Mặt khác, công trình cũng đã được đưa vào sử dụng từ lâu, bị đơn không có thắc mắc gì về khối lượng, số lượng, chất lượng công trình mà chỉ không chịu thanh toán nốt tiền cho nguyên đơn là không đúng. Các lý do mà bị đơn đưa ra mục đích chỉ để không thanh toán nốt số tiền còn thiếu cho nguyên đơn. Về số tiền 388.000.000 đồng phía bị đơn cho rằng có nhận của Công ty ĐT nhưng sau đó đã trả lại Công ty ĐT với lý do hoàn ứng là không đúng vì thực chất theo hợp đồng tổng số tiền Công ty PMT trả cho Công ty ĐT vẫn còn thiếu là 416.596.468 đồng

Bị đơn là Công ty PMT do ông Phạm Xuân T trình bày:

Về thủ tục tố tụng, Công ty PMT đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét việc Tòa án cấp sơ thẩm 2 lần không giải quyết yêu cầu thay đổi thẩm phán của Công ty là không đúng

Hợp đồng kinh tế với Công ty ĐT không đúng với mẫu của Công ty PMT. Công ty PMT cũng không có giấy ủy quyền cho ông P ký riêng hợp đồng này với Công ty ĐT vì nếu có ủy quyền thì Công ty sẽ ủy quyền cho ông P ký với các nhà thầu phụ chứ không ký riêng một nhà thầu phụ như ĐT vì Công ty PMT rất nhiều hợp đồng. Về biên bản nghiệm thu, biên bản thanh lý do ông Mỹ và ông P ký là không có thẩm quyền vì người ký phải là ông San ký mới đúng nên Công ty PMT không chấp nhận các biên bản nghiệm thu, biên bản thanh lý mà Công ty ĐT đưa ra. Về việc thanh toán công nợ: Công ty PMT coi bà Hoàng Thị N (Công ty ĐT) như người nhà nên có ưu tiên trong việc thực hiện dự án cũng như thanh toán công nợ. Chính bà N yêu cầu Công ty PMT chuyển cho Công ty ĐT 800.000.000 đồng nhưng do đây là số tiền lớn mà chuyển luôn cho Công ty ĐT thì Công ty PMT lại e ngại các nhà thầu khác cho rằng Công ty PMT ưu ái Công ty ĐT nên mới chuyển trước 400.000.000 đồng

và có yêu cầu Công ty ĐT chuyển lại cho PMT 400.000.000 đồng và nhận được số tiền này thì Công ty PMT tiếp tục chuyển cho ĐT 400.000.000. Vì vậy mới có chuyện ngay sau khi nhận được 388 triệu của Công ty ĐT do bà Th nhận thì Công ty PMT đã chuyển trả lại ngay hay còn gọi là hoàn ứng cho Công ty ĐT số tiền 400.000.000 đồng. Như vậy, Công ty PMT đã thanh toán đủ cho Công ty ĐT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi phân tích nội dung vụ án và kháng cáo của các đương sự phát biểu quan điểm: Về việc chấp hành pháp luật: Quá trình tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng, những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về yêu cầu kháng cáo: Hợp đồng kinh tế, các biên bản thanh lý, biên bản nghiệm thu là hợp lệ nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu về nợ gốc là có căn cứ. Tuy nhiên cần phải sửa án sơ thẩm về lãi và phạt vi phạm. Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Kháng cáo của Công ty PMT là trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí nên Tòa nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm là đúng thẩm quyền.

Về thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng cung cấp, lắp đặt cửa nhôm, kính. Bị đơn là Công ty PMT có địa chỉ tại: BT03, vị trí 23 khu nhà ở Xa La, phường PL, quận HĐ, Hà Nội. Căn cứ khoản 1 điều 30, điểm b khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân quận HĐ thụ lý và giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Tòa án cấp phúc thẩm đã ngừng phiên tòa ngày 18/8/2022 để ông T mời người làm chứng là ông Nguyễn Hữu San nhưng ông T không cung cấp được thông tin, địa chỉ của ông San cũng như mời ông San đến Tòa án để làm rõ việc tạm ứng thừa nên phải hoàn tạm ứng như ông đã khai.

Về ý kiến của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết yêu cầu thay đổi Thẩm phán của bị đơn, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy:

Bị đơn cho rằng ngày 9/7/2021, bị đơn đến Tòa án để tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và có yêu cầu Thẩm phán lập biên bản mà không được nên mới xin thay đổi Thẩm phán khác có trình độ, trí tuệ và công tâm.

Theo tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Ngày 09/7/2021, Tòa án sơ thẩm có báo các đương sự đến Tòa án để Tòa án tiến hành thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi làm việc này, về phía bị đơn có ông Đoàn Hữu Phúc là Phó Giám đốc Công ty PMT (không có giấy ủy quyền) có đến Tòa án trình bày ý

kiến. Tòa án sơ thẩm có ghi lời khai của ông P . Do ông P không có giấy ủy quyền của Công ty PMT nên Tòa án sơ thẩm chỉ lập biên bản về việc không thể công khai chứng cứ và hòa giải được do bị đơn không đến. Sau đó Công ty PMT có đơn xin thay đổi Thẩm phán. Như vậy, lý do thay đổi Thẩm phán là không chính đáng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không ban hành Quyết định giải quyết yêu cầu thay đổi Thẩm phán là không đúng với quy định tại các điều 47,56 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc dù Thẩm phán giải quyết vụ án này không vi phạm các điều 52,53 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm về việc không xem xét giải quyết yêu cầu thay đổi thẩm phán của bị đơn trước khi mở phiên tòa. Tòa án cấp phúc thẩm xác định Tòa án sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng nhưng không nghiêm trọng.

Về ý kiến của bị đơn cho rằng bị đơn không có đơn xin hoãn phiên tòa nhưng tại Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2022/QĐHPT-KDTM ngày 02/3/2022 của Tòa án sơ thẩm lại nhận định bị đơn xin hoãn phiên tòa là không đúng. Về ý kiến này của bị đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXX-ST ngày 10/02/2022, Tòa án cấp sơ thẩm đã ấn định thời gian mở phiên tòa vào hồi 08 giờ 30 phút ngày 02/3/2022. Theo biên bản phiên tòa ngày 02/3/2022 thể hiện, tại phiên tòa bị đơn vắng mặt. Theo bản giải trình của Thẩm phán sơ thẩm thể hiện nội dung: “Tại phiên tòa ngày 02/3/2022 có một người xưng tên là Long đến phiên tòa báo cáo: anh là nhân viên của Công ty PMT , được ông Phạm Xuân T, Giám đốc Công ty cử đến xin hoãn phiên tòa, vì ông T đang đi công tác không về kịp và cũng không kịp làm Giấy ủy quyền”. Tại biên bản giao nhận tài liệu ngày 02/3/2022, ông Trần Hải L đã xác nhận “Tôi là cán bộ kỹ thuật của Công ty PMT . Được ông Phạm Xuân T cử đến để thông báo với tòa là Công ty PMT xin hoãn phiên tòa. Tôi nhận quyết định hoãn phiên tòa và có trách nhiệm giao ngay cho ông Phạm Xuân T”. Mặc dù ông Trần Hải L không phải là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn nhưng để tạo điều kiện cho đương sự thì, Tòa án cấp sơ thẩm đã có Quyết định hoãn phiên tòa ngày 02/3/2022 với lý do bị đơn xin hoãn phiên tòa (không phải là có đơn xin hoãn phiên tòa như bị đơn trình bày) là không trái quy định và phản ánh đúng thực tế bị đơn không đến phiên tòa. Đồng thời, theo quy định tại khoản 1 điều 227 thì trường hợp bị đơn vắng mặt kể cả không có đơn xin hoãn phiên tòa thì vẫn thuộc trường hợp Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa. Vì vậy, việc Công ty PMT có đơn xin hoãn phiên tòa hay không thì cũng không ảnh hưởng gì đến quyết định hoãn phiên tòa của Hội đồng xét xử.

[2]. Về nội dung:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án, cho rằng yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền còn thiếu, tiền lãi và Tòa án sơ thẩm buộc bị đơn phải thanh toán tiền án phí sơ thẩm là không đúng. Về yêu cầu kháng cáo này, Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 09/12/2013, Công ty PMT (bị đơn) và Công ty ĐT (nguyên đơn) ký hợp đồng kinh tế số 0912/2013/HĐKT với nội dung: Công ty PMT giao cho

Công ty ĐT thi công phần việc: Cung cấp, lắp đặt phần cửa kính khung nhôm công trình: Trụ sở chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Sao Đỏ. Thời gian thực hiện hợp đồng là 120 ngày kể từ ngày 08/12/2013. Giá trị của hợp đồng (tạm tính): 1.500.000.000 đồng (Quá trình thực hiện nếu có thay đổi về thiết kế, khối lượng phát sinh tăng giảm thì hai bên sẽ bàn bạc, thống nhất bằng văn bản làm cơ sở thanh quyết toán). Ngoài ra, hợp đồng còn ghi nhận các thỏa thuận khác của các bên.

Về thẩm quyền ký kết hợp đồng: Hợp đồng thể hiện: Về phía Công ty PMT do ông ĐTP – Phó Giám đốc Công ty đại diện ký kết (Theo giấy ủy quyền số 512 ngày 01/12/2013). Về phía Công ty ĐT do ông Phạm Văn C giám đốc và đại diện theo pháp luật ký. Phía bị đơn (do ông Phạm Xuân T – đại diện theo pháp luật) cũng đã có lời khai về việc: Người đại diện theo pháp luật có ủy quyền cho ông ĐTP là Phó Giám đốc Công ty ký hợp đồng với Công ty ĐT. Việc ủy quyền này thể hiện bằng giấy ủy quyền ngày 08/8/2011. Theo đó, tại Giấy ủy quyền ngày 08/8/2011 do ông Phạm Xuân T xuất trình tại cấp phúc thẩm thể hiện: Ông Phạm Xuân T ủy quyền cho ông ĐTP ký hợp đồng kinh tế với các nhà cung cấp vật tư, vật liệu và các nhà thầu phụ của gói thầu số 01... thuộc dự án Trụ sở Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Sao Đỏ

Về hình thức của hợp đồng: Công ty PMT cho rằng hợp đồng không đúng mẫu của Công ty PMT. Bị đơn cũng không xuất trình mẫu hợp đồng mà bị đơn trình bày. Thấy rằng, các nội dung trong hợp đồng là thỏa thuận tự nguyện của các bên, không vi phạm về nội dung cũng như hình thức nên việc bị đơn cho rằng hợp đồng không đúng mẫu thông thường của công ty thì cũng không ảnh hưởng gì đến hiệu lực của hợp đồng. Thực tế, sau khi ký hợp đồng, các bên không hề có phản đối gì về hình thức hợp đồng, vẫn tiến hành thực hiện hợp đồng tạm ứng, thanh lý hợp đồng và nghiệm thu công trình.

Như vậy, về việc ký kết hợp đồng xác định các bên đã ký kết đúng thẩm quyền. Thấy rằng, việc ký kết hợp đồng giữa hai bên là đúng thẩm quyền, tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực. Quá trình thực hiện hợp đồng đến trước thời điểm xảy ra tranh chấp các bên không có ý kiến gì về việc ký kết hợp đồng và hiệu lực hợp đồng nên ý kiến của bị đơn cho rằng cần xem xét lại hiệu lực của hợp đồng do hợp đồng không có dấu giáp lai của Công ty PMT mà chỉ có dấu của Công ty ĐT là không có cơ sở.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T cho rằng giấy ủy quyền của ông cho ông P không có nội dung cho ông P ký biên bản thanh lý.

Về nội dung ủy quyền cho ông P theo Giấy ủy quyền do ông T xuất trình đề ngày 08/8/2011 và không có số còn Giấy ủy quyền được ghi trong hợp đồng là số 512 ngày 01/12/2013. Mặt khác, theo quy định của pháp luật thì nếu việc ký hợp đồng vượt thẩm quyền nhưng doanh nghiệp vẫn thực hiện hợp đồng và thanh toán từ tài khoản của doanh nghiệp thì là việc người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đã biết về hợp đồng này và không phản đối gì nên hợp đồng đó không bị vô

hiệu. Do vậy, cấp sơ thẩm xác định hợp đồng ký đúng thẩm quyền và các tài liệu trong đó có biên bản thanh lý có giá trị pháp lý là đúng.

Về việc thanh toán theo hợp đồng 0912 ngày 09/12/2013 thấy:

Ngày 08/7/2014, nguyên đơn và bị đơn đã ký biên bản thanh lý hợp đồng số 0807. Theo đó hai bên thống nhất về tổng giá trị hợp đồng là 1.478.596.468 đồng. Tổng giá trị hợp đồng mà hai bên đã ký xác nhận cũng phù hợp với bảng giá trị quyết toán đã được hai bên ký kết. Đến ngày 21/4/2016, Công ty ĐT đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 162 với tổng số tiền là 1.478.596.468 đồng. Các bên không tranh chấp gì về tổng giá trị hợp đồng mà chỉ tranh chấp về số tiền còn nợ, chưa thanh toán theo hợp đồng nên xác định nghĩa vụ thanh toán của bị đơn đối với nguyên đơn trong việc ký hợp đồng 0912 là 1.478.596.468 đồng. Về quá trình thanh toán hợp đồng: Theo biên bản thanh lý hợp đồng thể hiện: Tính đến ngày 08/7/2014 Công ty PMT đã thanh toán 350.000.000 đồng nên số tiền còn lại bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 1.478.596.468 đồng - 350.000.000 đồng = 1.128.569.468 đồng. Nguyên đơn xác nhận sau ngày 08/7/2014 thì bị đơn còn thanh toán cho nguyên đơn một số tiền cụ thể như sau: Ngày 02/10/2015 bị đơn thanh toán 200.000.000 đồng. Ngày 21/01/2021 bị đơn tiếp tục thanh toán 100.000.000 đồng. Đối với số tiền thanh toán ngày 26/4/2016 nguyên đơn có ý kiến như sau: ngày 26/4/2016 bị đơn thanh toán cho nguyên đơn 02 lần mỗi lần 400.000.000 đồng, tổng cộng là 800.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo đề nghị của Công ty PMT thì nguyên đơn chuyển lại cho bị đơn 388.000.000 đồng. Số tiền này được Công ty giao trực tiếp cho bà Nguyễn Thị Th là nhân viên kế toán công ty PMT và được bà Th ký xác nhận bằng văn bản. Do vậy, nguyên đơn khẳng định sau ngày ký biên bản thanh lý (ngày 08/7/2014) bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn các khoản sau: Ngày 02/10/2015 bị đơn thanh toán 200.000.000 đồng, Ngày 21/01/2021 bị đơn thanh toán 100.000.000 đồng, ngày 26/4/2016 bị đơn thanh toán 412.000.000 đồng. Tổng cộng: 712.000.000 đồng. Như vậy tổng số tiền bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn theo hợp đồng 0912 là 712.000.000 đồng + 350.000.000 đồng = 1.062.000.000 đồng. Về phía bị đơn thì cho rằng bị đơn đã thanh toán tổng số tiền là 1.450.000.000 đồng cho nguyên đơn theo những lần sau: ngày 27/01/2014 trả 350.000.000 đồng, ngày 02/10/2015 trả 200.000.000 đồng, ngày 26/4/2016 trả 800.000.000 đồng, ngày 21/01/2021 trả 100.000.000 đồng. Số tiền còn thiếu là 28.596.468 đồng bị đơn sẽ có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu khối lượng theo xác nhận của ông Nguyễn Hữu San (là đội trưởng phụ trách thi công). Tuy nhiên, ông T (đại diện theo pháp luật của bị đơn) tại đơn kháng cáo ngày 12/4/2022 và lời khai ngày 21/7/2022 cho rằng số tiền 388.000.000 đồng mà nguyên đơn trình bày đã trả lại cho bị đơn thì bị đơn không biết và cũng không được nhận. Bà Nguyễn Thị Th là kế toán của Công ty ĐT tại thời điểm ký và thực hiện hợp đồng có nhận số tiền 388.000.000 đồng hay không công ty không biết và không ai báo cáo gì cho Công ty và sổ sách kế toán của Công ty cũng không thể hiện gì về số tiền này. Vì vậy, bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Như vậy, thấy rằng về việc thanh toán các bên không tranh chấp về tổng giá trị của hợp đồng, xác nhận số tiền đã thanh toán vào các ngày: ngày 27/01/2014 trả 350.000.000 đồng, ngày 02/10/2015 trả 200.000.000 đồng, ngày 26/4/2016 trả 800.000.000 đồng, ngày 21/01/2021 trả 100.000.000 đồng mà chỉ tranh chấp về việc có hay không việc bà Nguyễn Thị Th là kế toán và đã nhận số tiền 388.000.000 đồng tiền của nguyên đơn trả bị đơn vào ngày 26/4/2016. Về việc này, Hội đồng xét xử thấy: Ông Phạm Xuân T là người đại diện theo pháp luật của Công ty đã xác nhận tại thời điểm các bên ký kết và thực hiện hợp đồng thì bà Th là kế toán của Công ty PMT . Theo văn bản đề ngày 26/4/2016 bà Nguyễn Thị Th đã ký xác nhận (văn bản do nguyên đơn xuất trình) với nội dung: Nguyễn Thị Th – Kế toán Công ty PMT nhận của chị Nhâm số tiền 388.000.000 đ (ba trăm tám tám triệu đồng chẵn). Để làm rõ vấn đề này, Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành xác minh. Tại biên bản xác minh ngày 04/8/2022 của Tòa án về việc xác minh và lấy lời khai đối với bà Nguyễn Thị Th thì bà Th khẳng định: bà xác nhận ngày 26/4/2016 bà có nhận của Công ty ĐT (bà N chuyên) số tiền 388.000.000 đồng. Số tiền này là số tiền bà N chuyển cho Công ty PMT và bà nhận theo sự chỉ đạo của ông T – Giám đốc Công ty. Sau khi nhận được số tiền trên, đích thân bà đã đến Ngân hàng Sacombank tại đường Quang Trung để nộp trực tiếp số tiền trên vào tài khoản. Ngoài ra bà còn nộp thêm một số tiền của Công ty hay không thì bà không nhớ chính xác. Tuy nhiên, bà Th sau khi đọc biên bản thì từ chối ký biên bản xác minh này. Tổ trưởng Tổ dân phố số 2 phường La Khê, quận HĐ đã xác nhận sự việc này. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Th xác nhận các nội dung như bà đã trình bày khi Tòa án xác minh

Để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã có công văn gửi Ngân hàng Sài Gòn thương tín chi nhánh HĐ đề nghị cung cấp tài liệu thể hiện các giao dịch liên quan đến tài khoản của Công ty PMT trong tháng 3,4,5 năm 2016. Theo công văn số 169B/2022/CV ngày 08/8/2022 của Ngân hàng Sài Gòn thương tín chi nhánh HĐ (Sacombank) và sổ phụ Ngân hàng thể hiện: ngày 26/4/2016 có 02 giao dịch gửi tiền vào tài khoản của Công ty PMT tại Sacombank, cụ thể là các giao dịch với nội dung: Giao dịch vào hồi 08:58:42 với nội dung NGUYEN THI THU NOP TM TK với số tiền 156.910.000 đồng; Giao dịch vào hồi 14:27:11 với nội dung NGUYEN THI THU NOP TM TK với số tiền 388.000.000 đồng (trong ngày 26/4/2016 có 02 lần Công ty PMT chuyển khoản 400.000.000 đồng cho Công ty ĐT). Thấy rằng, các giao dịch như trên cũng hoàn toàn phù hợp với lời khai của bà Th .

Như vậy, có căn cứ khẳng định bà Th đã chuyển khoản vào tài khoản của Công ty PMT số tiền 388.000.000 đồng mà bà N Công ty ĐT đã chuyển trả Công ty PMT . Công ty PMT cho rằng bà Th không báo cáo, không hạch toán về công ty là không có cơ sở.

Tại phiên tòa, ông T khai rằng theo tài liệu của Ngân hàng Sacombank nơi Công ty PMT mở tài khoản thì trong ngày 26/4/2016 Công ty PMT có chuyển cho Công ty ĐT số tiền 400.000.000 đồng, sau đó có việc bà Th nộp vào tài khoản Công ty số tiền 388 triệu và tiếp sau đó mới có việc công ty PMT

chuyển khoản lần thứ 2 số tiền 400.000.000 đồng lại cho Công ty ĐT chứ không như bà N khai là sau khi chuyển hai lần tiền vào tài khoản Công ty ĐT mỗi lần 400.000.000 đồng thì Công ty PMT mới yêu cầu Công ty ĐT trả lại tiền. Như vậy là có việc ông T, người đại diện theo pháp luật của Công ty PMT, chủ tài khoản của Công ty thay đổi lời khai từ không biết việc bà N nộp vào tài khoản công ty số tiền 388 triệu, không ai báo cáo gì, sổ sách kế toán của Công ty không thể hiện số tiền này (lời khai ngày 21/7/2022) thành có biết và khai rất chi tiết về việc này cũng như lý do mà ông cho rằng đó là hoàn tạm ứng (lời khai ngày 18/8/2022), chi tiết lý do chuyển trả. Về việc này, Tòa án cấp phúc thẩm thấy: Về thời gian chuyển khoản số tiền mỗi lần là 400 triệu đồng tuy có khác nhau nhưng tổng giá trị chuyển và chuyển trả là không thay đổi (vẫn là 800 triệu đồng trừ đi 388.000.000 đồng) nên số nợ gốc của Công ty PMT chưa trả như Công ty ĐT yêu cầu khởi kiện là đúng.

Như vậy, xác định bị đơn mới thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền là: 1.062.000.000 đồng nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán khoản tiền còn lại theo hợp đồng 0912 là 416.596.468 đồng là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật.

Về yêu cầu nợ lãi: Tại điều 8 hợp đồng số 0912 các bên đã thỏa thuận nếu bên A (Công ty PMT) thanh toán chậm thì bên B (Công ty ĐT) được tính lãi trên số tiền bên A nợ theo lãi suất Ngân hàng nhà nước (tại thời điểm vi phạm).

Tòa án sơ thẩm đã căn cứ luật thương mại để xem xét mức lãi suất trung bình của 03 ngân hàng là Ngân hàng Công Thương, Ngân hàng Ngoại Thương và Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn để làm căn cứ tính lãi suất là không đúng vì tranh chấp giữa các bên là tranh chấp hợp đồng xây dựng nên cần áp dụng điều 43 Nghị định 37/2015/NĐ-CP về hướng dẫn thực hiện luật xây dựng (hợp đồng mua bán và lắp đặt). Do vậy, phải căn cứ vào mức lãi suất do Ngân hàng nơi nguyên đơn mở tài khoản. Do vậy, theo thông báo của Ngân hàng TMCP Á Châu (Nơi công ty ĐT mở tài khoản) thể hiện hiện nay mức lãi suất cho Công ty ĐT vay là 10,15%/năm. Tuy nhiên, Công ty ĐT chỉ yêu cầu Công ty PMT thanh toán tiền lãi trên số nợ phải trả là 8%/năm là có lợi cho Công ty PMT nên chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn. Cấp sơ thẩm chấp nhận đề nghị này của nguyên đơn nhưng lại tính lãi đối với cả phần nợ gốc đã thanh toán là không đúng mà chỉ được tính lãi đối với phần nợ gốc chưa thanh toán là 416.596.468 đồng. Theo điều 4 hợp đồng, các bên thỏa thuận: Việc thanh toán được thực hiện trên cơ sở khối lượng bên B hoàn thành được nghiệm thu nhân với đơn giá cố định trong hợp đồng. Ngày 05/7/2014, Công ty PMT và Công ty ĐT đã có biên bản nghiệm thu giao nhận với nội dung: đảm bảo hàng hóa mới 100%, đảm bảo chất lượng và tiến độ công trình. Do vậy, thời điểm tính lãi quá hạn được tính từ ngày 06/7/2014. Qua tính toán, cấp phúc thẩm xác định số tiền nợ lãi của bị đơn phải trả cho nguyên đơn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (24/3/2022) là 257.308.240 đồng.

Đối với yêu cầu phạt hợp đồng, Hội đồng xét xử thấy: Tại điểm 8.2 hợp đồng, các bên có thỏa thuận: *“Trong vòng 15 ngày kể từ ngày bên B thực hiện xong công việc lắp đặt mà bên A vẫn chưa thanh toán hết số tiền còn lại của*

hợp đồng cho bên B thì được hiểu rằng số lượng hàng hóa mà bên B đã cung cấp, lắp đặt vẫn thuộc quyền sở hữu của bên B và bên B có quyền tháo dỡ thu hồi lại toàn bộ số hàng đã lắp đặt. Trường hợp này được hiểu bên A đã đơn phương hủy hợp đồng trái pháp luật và sẽ giải quyết theo điểm 8.1 của hợp đồng (sẽ chịu phạt 8% tổng giá trị hợp đồng) ”

Thấy rằng, theo quy định của pháp luật, các bên có quyền thỏa thuận về vi phạm và phạt hợp đồng khi có vi phạm. Tuy nhiên, theo tinh thần quy định tại điều 146 luật xây dựng thì mức phạt hợp đồng không quá 12% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm, không phải là tổng giá trị hợp đồng như các bên thỏa thuận và như Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận mà chỉ là giá trị của phần vi phạm (chậm trả nợ) thì mới thấu tình đạt lý.

Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải chịu phạt trên tổng giá trị hợp đồng với số tiền là 118.287.717 đồng là chưa phù hợp. (Tòa án cấp phúc thẩm xác định phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm là số tiền 1.128.569.468 đồng và số tiền bị đơn phải chịu phạt vi phạm với nguyên đơn là 90.285.557 đồng).

Từ những phân tích trên, thấy: cần sửa án sơ thẩm về luật áp dụng và tiền lãi đối với nợ gốc chưa thanh toán, và phạt vi phạm cụ thể: Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền theo hợp đồng số 0912 ngày 09/12/2013 tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 764.190.265 đồng.

Trong đó: Nợ gốc là: 416.596.468 đồng

Nợ lãi chậm thanh toán là: 257.308.240 đồng

Tiền phạt hợp đồng: 90.285.557 đồng

Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận

Án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ và quy định trong hợp đồng nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên!

Căn cứ các điều: 48, 286, 293, khoản 2 điều 308, 313 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Bộ luật dân sự 2005 và Bộ luật dân sự 2015

Căn cứ Luật Xây dựng 2014.

Căn cứ Nghị định 37/2015/NĐ-CP của Chính Phủ

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng PMT .

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2022/KDTM-ST ngày 24/3/2022 của Tòa án nhân dân quận HĐ và quyết định như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH sản xuất thương mại ĐT đối với Công ty cổ phần đầu tư xây dựng PMT .

2. Buộc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng PMT phải thanh toán trả Công ty TNHH sản xuất thương mại ĐT tổng số tiền theo hợp đồng số 0912/2013/HĐKT ngày 09/12/2013 tính đến ngày xét xử sơ thẩm (24/3/2022) là: 764.190.265 đồng.

Trong đó: Nợ gốc là: 416.596.468 đồng

Nợ lãi là: 257.308.240 đồng

Tiền phạt hợp đồng: 90.285.557 đồng

Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng PMT còn phải thanh toán số tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015

3. Về án phí: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng PMT phải chịu 34.567.611 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Được trừ vào 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 9889 ngày 14/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận HĐ , thành phố Hà Nội.

Công ty TNHH sản xuất thương mại ĐT phải chịu 7.529.036 đồng tiền án phí sơ thẩm. Đối trừ 24.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006252 ngày 24/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận HĐ . Trả lại Công ty TNHH Sản xuất thương mại ĐT 16.470.964 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 22/9/2022

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND TP Hà Nội;
- Tòa án ND Q. HĐ ;
- Chi cục THADS Q. HĐ ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- *Đương sự.*
- *Lưu./.*

Hoàng Minh Thành